

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2026/DS-ST
Ngày 30-3-2026
V/v tranh chấp hợp đồng vay và mua
bán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lâm Văn Tùng

Ông Bùi Văn Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Tỏa, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ tham gia phiên tòa:
Bà Lê Ngọc Niềm - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2026/TLST-DS ngày 06 tháng 01 năm 2026, về “Tranh chấp hợp đồng vay và mua bán tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 140/2026/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Hoàng N, sinh ngày 18/9/1990.

Địa chỉ: Ấp X, xã P, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Dương Phúc N1, sinh năm 1991; Địa chỉ: Ấp T, xã P, thành phố Cần Thơ, là đại diện ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 13/11/2025 (có mặt).

- Bị đơn: Ông Thái Văn D, sinh ngày 24/11/1970 (có mặt).

Bà Nguyễn Thị Bích P, sinh ngày 01/01/1970 (có mặt).

Cùng địa chỉ: ấp R, xã P, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện ngày 13/11/2025, quá trình giải quyết và tại phiên tòa, ông Dương Phúc N1 là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Trần Hoàng N trình bày cho rằng vào ngày 23/7/2022, vợ chồng ông D và bà P có vay của ông Trần Hoàng N số tiền là 203.000.000 đồng (hai trăm lẻ ba triệu đồng), hai bên tự thỏa

thuận lãi suất 2%/tháng. Thời hạn vay từ ngày 23/7/2022 dương lịch cho đến khi ông N cần sử dụng sẽ thông báo cho ông D, bà P biết trước một tháng để chuẩn bị trả đủ số tiền nêu trên. Mục đích ông D, bà P vay là để làm vốn mua bán lúa và chi tiêu sinh hoạt trong gia đình. Việc vay tiền có làm tờ biên nhận do ông D, bà P ký tên bên vay và là người nhận tiền vay. Đến ngày 14/10/2022, ông D và bà P còn mua vật tư nông nghiệp của ông N nợ số tiền là 4.830.000 đồng, việc mua bán không có lập hợp đồng mà chỉ có sổ theo dõi mua bán hàng và có thỏa thuận thống nhất với nhau về mức lãi suất chậm trả tính theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên từ ngày vay và ngày mua nợ đến nay, bên vợ chồng ông D không trả số tiền gốc và không đóng tiền lãi đúng theo kỳ hạn như thỏa thuận. Đồng thời ông N đã nhiều lần nhắc nhở và yêu cầu ông D, bà P trả nợ, nhưng vợ chồng ông D chỉ đóng tiền lãi được 45.000.000 đồng, sau đó thì chỉ hứa sẽ tranh thủ sớm việc trả đủ số tiền nợ, còn thực tế không có trả. Đến nay ông N yêu cầu ông Thái Văn Đ, bà Nguyễn Thị Bích P có trách nhiệm phải trả số tiền vốn vay và nợ mua vật tư nông nghiệp 207.830.000 đồng và lãi, theo lãi suất 1,66% tính từ ngày vay đến ngày xét xử. Đồng thời ông N đồng ý trừ tiền lãi đã giao là 45.000.000 đồng.

- Quá trình giải quyết và tại phiên tòa bị đơn ông Thái Văn Đ, bà Nguyễn Thị Bích P trình bày: Theo yêu cầu khởi kiện của ông N, ông bà thừa nhận có mua vật tư nông nghiệp nợ 4.830.000 đồng nên đồng ý trả tiền vốn, lãi theo yêu cầu. Về số tiền vay 203.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 23/7/2022 thì ông bà không có vay tiền và không nhận khoản tiền 203.000.000 đồng như ông N trình bày. Tuy nhiên ông bà có mua vật tư nông nghiệp, lúa giống của ông N từ năm 2020 đến ngày 22/5/2022 nợ là 158.075.000 đồng, do ông N nhiều lần tính lãi cộng dồn vào tiền nợ vốn và sau đó tiếp tục tính lãi trên số tiền cộng dồn này nên ngày 23/7/2022 ông N tính ra số tiền nợ 203.000.000 đồng và yêu cầu ông bà ký giấy vay nợ để ông N có cơ sở vay tiền của người khác. Như vậy, theo yêu cầu khởi kiện của ông N, ông bà đồng ý trả số tiền vốn 158.075.000 đồng và lãi theo quy định 1,66%/tháng.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; người tham gia tố tụng là nguyên đơn và bị đơn chấp hành các quy định, thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ. Đồng thời, phát biểu quan điểm về tính có căn cứ và hợp pháp về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục: Yêu cầu khởi kiện của ông N là tranh chấp về hợp đồng vay và mua bán tài sản quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại xã P, thành phố Cần Thơ nên căn cứ Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ thụ lý và giải

quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và đương sự có mặt, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về nội dung: Ông Trần Hoàng N khởi kiện yêu cầu ông Thái Văn D và bà Nguyễn Thị Bích P trả 02 khoản tiền, gồm: Tiền vay 203.000.000 đồng, tiền mua nợ vật tư nông nghiệp là 4.830.000 đồng và lãi suất.

[2.1] Về số tiền 4.830.000 đồng: Ông Thái Văn D và bà Nguyễn Thị Bích P thừa nhận có mua vật tư nông nghiệp nợ 4.830.000 đồng và đồng ý trả số tiền nợ này. Hội đồng xét xử ghi nhận và buộc các bị đơn phải hoàn trả cho ông Trần Hoàng N số tiền 4.830.000 đồng.

[2.2] Về số tiền 203.000.000 đồng, khi khởi kiện ông N có giao nộp bản chính “Giấy vay tiền” ngày 23/7/2022. Bị đơn ông Thái Văn D và bà Nguyễn Thị Bích P thừa nhận có ký giấy vay tiền, tuy nhiên ông bà cho rằng không nhận số tiền 203.000.000 đồng mà đây là khoản tiền mua nợ vật tư, nông nghiệp từ năm 2020 đến 2022 là 158.075.000 đồng. Mặc dù nguyên đơn không thừa nhận khoản tiền 203.000.000 đồng là tiền nợ vật tư nông nghiệp, nhưng qua đối chiếu sổ theo dõi mua bán vật tư nông nghiệp do các bị đơn cung cấp, lời trình bày của đại diện nguyên đơn cho thấy ông N bán nợ vật tư cho các bị đơn và đến ngày 23/7/2022, hai bên tính tổng nợ ghi nhận lại các bị đơn còn nợ số tiền 203.059.000 đồng. Vì vậy, có căn cứ xác định lời trình bày của các bị đơn về nguồn gốc giấy vay tiền, số tiền vay xuất phát từ khoản tiền mua nợ vật tư nông nghiệp là sự thật. Đối với ý kiến của bị đơn bà P và ông D đồng ý trả tiền vốn 158.075.000 đồng, thì thấy: Khi bán vật tư nông nghiệp, bên bán là ông N có lập sổ theo dõi và giao cho bên mua quản lý. Tại các sổ theo dõi được bị đơn ông D, bà P giao nộp đã ghi nhận các bên tính tổng nợ đến ngày 23/7/2022 là 203.059.000 đồng. Sau đó ông D và bà P đồng ý ký giấy vay tiền ngày 23/7/2022, số tiền vay 203.000.000 đồng và lãi. Đồng thời quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, các bị đơn không xác định được thời gian trả lãi, việc tính lãi để yêu cầu cản trở. Như vậy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận

[2.3] Về lãi suất: Theo trình bày của ông D và bà P đã thanh toán được 45.000.000 đồng tiền vốn vào các ngày 23/02/2022, ngày 20/7/2023 và ngày 10/02/2024; ông N không đồng ý và cho rằng chỉ nhận được số tiền lãi 45.000.000 đồng. Xét lời trình bày của ông D và bà P về thời gian trả tiền ngày 23/02/2022, ngày 20/7/2023 là trước ngày tính tổng nợ, đồng thời vào ngày 23/02/2022 khi tính nợ thì tại sổ theo dõi đã có trừ số tiền 20.000.000 đồng cho bên mua, do đó lời trình bày của ông D và bà P không có cơ sở. Tuy nhiên ông N đồng ý trừ số tiền lãi 45.000.000 đồng, nên Hội đồng ghi nhận. Căn cứ quy định tại Điều 357 và khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, chấp nhận yêu cầu của ông N về lãi suất. Theo đó số tiền lãi được tính cụ thể: Số tiền 4.830.000 đồng, lãi tính từ ngày 14/10/2022 đến ngày xét xử là 41 tháng 19 ngày với lãi suất 1,66% là 3.338.066 đồng. Số tiền 203.000.000 đồng, lãi tính từ ngày 23/7/2023 đến ngày 30/3/2026 là 31 tháng 07 ngày với lãi suất 1,66% là

108.250.000 đồng. Tổng tiền lãi là 111.588.066 đồng, trừ số tiền đã trả 45.000.000 đồng thì ông D và bà P phải chịu là 66.588.148 đồng.

[3] Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, các bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ phát biểu quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 430, Điều 440, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự; Khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Hoàng N.

Buộc ông Thái Văn D và bà Nguyễn Thị Bích P có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Trần Hoàng N số tiền là 274.418.148 đồng (hai trăm bảy mươi bốn triệu, bốn trăm mười tám nghìn, một trăm bốn mươi tám đồng), gồm vốn 207.830.000 đồng và lãi 66.588.148 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền chậm thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Thái Văn D và bà Nguyễn Thị Bích P phải liên đới chịu là 13.720.907 đồng (mười ba triệu, bảy trăm hai mươi nghìn, chín trăm lẻ bảy đồng).

- Hoàn trả cho ông Trần Hoàng N tạm ứng án phí đã nộp 7.331.609 đồng (bảy triệu, ba trăm ba mươi một nghìn, sáu trăm lẻ chín đồng) theo biên lai thu số 0000054 ngày 05/01/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi

hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND khu vực 7 – Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Mai